TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 489/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07/11/2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Diệp Hoàng Dũng;

2. Ông Nguyễn Ngọc Nghĩa.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Võ Văn Hòa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên;

Ngày 07/11/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 351/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp N, xã M, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phan Văn Bé Tí H1, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp N, xã M, huyện P, tỉnh An Giang.

Bà H có mặt; ông H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày: bà với ông H1 tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, nên bà và ông H1 đã ly thân không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm của bà đối với ông H1 không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H1;

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà với ông H1 có hai con chung tên Phan Thị Thúy An, sinh ngày 25/9/2002 và Phan Thị Tú Trân, sinh ngày 28/6/2011. Hiện con chung đang sống với bà nên bà yêu cầu được nuôi dạy, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng;

Tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H1 rất nhiều lần nhưng ông H1 không đến để tòa án kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ kết quả phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do ông H1 không đến những lần tòa án triệu tập nên tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được;

Tại phiên tòa,

Bà H cho rằng, bà với ông H1 có rất nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông H1 không quan tâm đến vợ con, và vợ chồng đã ly thân không còn chung sống với nhau từ năm 2015. Do đó, không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng được nên bà vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Bé Tí H1;

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật tranh chấp;

Thu thập chứng cứ phù hợp qui định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn cấp tống đạt thực hiện đúng qui định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 là đúng quy định tại Điều 228 BLTTDS;

Về nội dung vụ án: Giữa bà H với ông H1 tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nhưng trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau và không còn sống chung từ năm 2015 đến nay nên bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở; Về tài sản chung - nợ chung: bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về con chung: từ khi bà H sống ly thân với ông H1 cho đến nay thì con chung sống với bà H có cuộc sống ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho bà H nuôi dạy; bà Nguyễn Thị Thúy H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét;

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H1. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông H1 có nơi cư trú tại xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú; bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí nên tòa án nhân dân huyện

Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.1] Về sự vắng mặt của ông H1: Tòa án tiến hành thực hiện việc cấp tống đạt hợp lệ, nhưng ông H1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự bất khả kháng. Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: bà H với ông H1 tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, nên hôn nhân giữa bà H, ông H1 là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Sau khi kết hôn thì ông H1, bà H có cuộc sống hạnh phúc và có 02 con chung, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, bà H với ông H1 không còn quan hệ vợ chồng (sống ly thân) từ năm 2015 cho đến nay là một khoảng thời gian dài, nhưng ông H1 bà H vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản xác minh do tòa án tiến hành lập ngày 02 tháng 8 năm 2017, được địa phương cho biết giữa bà H với ông H1 về mâu thuẫn thì không rõ, nhưng ông H1 và bà H không còn sống chung hơn một năm nay;

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*…." Thế nhưng vợ chồng bà H, ông H1 không còn chung sống từ năm 2015 đến nay. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cùng thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H;

[2.2] Xét Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H với ông H1 có 02 con chung tên Phan Thị Thúy An, sinh ngày 25/9/2002 và Phan Thị Tú Trân, sinh ngày 28/6/2011;

Từ khi bà H với ông H1 sống ly thân từ năm 2015 đến nay là một thời gian dài và 02 con chung sống với bà H, một mình bà H vẫn đảm bảo cuộc sống cho cháu An với Trân ổn định, phát triển về tinh thần và thể chất. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu An được tòa án ghi nhận ngày 15/9/2017 thì cháu có nguyện vọng sống với bà H khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho bà H được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với nguyện vọng của cháu;

Về cấp dưỡng nuôi dạy con chung: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con...;

Đối chiếu với quy định nêu trên, lẽ ra ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà H chỉ yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng và cho rằng có đủ khả năng nuôi dạy con chung. Hơn

nữa hiện nay ông H1 chưa có nghề nghiệp ổn định. Xét thấy, việc bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ khả năng đảm bảo cuộc sống của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho bà H được tiếp tục nuôi dạy, ông H1 không phải cấp dưỡng.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông H1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà H trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông H1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật thi hành án Dân sự năm 2008;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H:

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1985 được ly hôn với ông Phan Văn Bé Tí H1, sinh năm 1979;

Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Thúy H được nuôi dạy 02 con chung tên Phan Thị Thúy An và Phan Thị Tú Trân; ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông H1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà H trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2011/005495 ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú; bà H đã nộp đủ; Ông Phan Văn Bé Tí H1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm;

Riêng thời hạn kháng cáo của ông H1 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn thư.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức